

Số: 39/2024/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 21 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1993

HKTT: Đội 7, thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú hiện nay: Đội 13, thôn Tính Linh, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2/ Bị đơn: Anh **Phạm Thanh T**, sinh năm 1989

HKTT: Đội 7, thôn T, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu **Phạm Kim N**, sinh ngày 21/7/2013

+ Cháu **Phạm Bảo A**, sinh ngày 16/11/2014

+ Cháu **Phạm Kim K**, sinh ngày 16/11/2014

4/ Người đại diện hợp pháp cho các cháu N, A, K là chị **Trần Thị H** và anh **Phạm Thanh T** là bố, mẹ đẻ các cháu.

5/ Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu là bà **Đỗ Minh Á** – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phạm Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Thanh T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Thanh T có 03 con chung là cháu Phạm Kim N, sinh ngày 21/7/2013; Cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 16/11/2014 và cháu Phạm Kim K, sinh ngày 16/11/2014.

Khi ly hôn chị H và anh T thống nhất giao cháu Phạm Bảo A và cháu Phạm Kim K cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc. Giao cháu Phạm Kim N cho anh T nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh chị thống nhất anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Bảo A với mức cấp dưỡng 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng bắt đầu từ tháng 06/2024 cho đến khi cháu Phạm Bảo A đủ 18 tuổi. Chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị H và anh Phạm Thanh T thống nhất thỏa thuận chị Trần Thị H tự nguyện nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000350 ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, chị H đã thực hiện xong toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- UBND xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 43 ngày 04/10/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê